

Số: 24/2019/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2019

| | |
|---------------------------|----------------|
| SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG | |
| ĐẾN | Số: 75 |
| | Ngày: 2/1/2020 |
| Chuyên: | |
| Lưu hồ sơ số: | |

NGHỊ QUYẾT
Về bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024
trên địa bàn tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về Khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc đề nghị thông qua Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương, gồm:

1. Bảng giá đất đối với các loại đất cụ thể:

a) Đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng;

b) Đất ở tại nông thôn;

c) Đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề);

d) Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn (Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề);

đ) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn (Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề);

e) Đất thương mại, dịch vụ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề;

g) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

(Có Phụ lục kèm theo).

2. Bảng giá đất đối với các loại đất khác:

a) Đất sử dụng vào các mục đích công cộng, đất nghĩa trang, nghĩa địa có mục đích kinh doanh;

b) Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng;

c) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng thủy sản;

d) Đất chưa sử dụng, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để đưa vào sử dụng;

đ) Đất phi nông nghiệp khác gồm: đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động trong cơ sở sản xuất; đất xây dựng kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đất xây dựng công trình khác của người sử dụng đất không nhằm mục đích kinh doanh mà công trình đó không gắn liền với đất ở;

e) Đất phi nông nghiệp là hồ ao, thùng vũng, đò, núi phải vượt lập hoặc phải san gạt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện giá đất có biến động lớn, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 91/2014/NQ-HĐND15 ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ 8 quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 5 quy định Bảng giá đất điều chỉnh, bổ sung trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2015-2019.

c) Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020. / ~~...~~

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (*Cục KTVBQPPL*);
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT.

(để báo cáo)



CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)

Nguyễn Mạnh Hiền

